

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 đ	31/12/2016 ¹ đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		92,611,608,626	87,320,835,896
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,149,599,697	1,858,587,599
1. Tiền	111	V.1	2,149,599,697	1,858,587,599
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		215,000,000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49,650,098,286	50,765,292,089
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	20,343,508,731	11,864,623,003
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	6,421,463,140	13,548,313,251
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	1,800,000,000	4,430,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	21,085,126,415	20,968,844,250
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	0	-46,488,415
IV. Hàng tồn kho	140		38,499,547,091	32,644,344,282
1. Hàng tồn kho	141	V.7	38,499,547,091	32,644,344,282
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,097,363,552	2,052,611,926
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	0	11,314,870
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,097,363,552	2,041,297,056
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		182,848,761,481	175,381,882,491
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		76,105,000,000	76,105,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	76,105,000,000	76,105,000,000
II. Tài sản cố định	220		44,855,036,675	38,068,501,097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	44,855,036,675	38,068,501,097
Nguyên giá	222		60,995,711,029	52,693,427,979
Giá trị hao mòn lũy kế	223		-16,140,674,354	-14,624,926,882
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	14,799,632,325	16,754,553,687
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14,799,632,325	16,754,553,687
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	46,653,000,000	44,140,864,271
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		40,028,000,000	37,515,864,271
2. Đầu tư dài hạn khác	253		6,625,000,000	6,625,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		436,092,481	312,963,436
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	289,807,936	166,678,891
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12a	146,284,545	146,284,545
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		275,460,370,107	262,702,718,387

Các thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 13 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 đ	31/12/2016 ¹ đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300			
1. Nợ ngắn hạn	310		90,808,817,578	80,836,453,759
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	56,343,333,869	51,469,177,147
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	10,675,348,869	10,850,017,190
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	1,734,436,003	540,060,000
4. Phải trả người lao động	314		1,019,515,522	3,121,602,300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	436,242,171	0
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	16,813,958	97,484,307
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	395,415,644	1,184,758,098
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		42,065,561,702	35,675,255,252
II. Nợ dài hạn	330		0	0
1. Doanh thu chưa thực hiện	336	V.17	34,465,483,709	29,367,276,612
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	0	50,198,906
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.12b	34,459,714,017	29,311,308,014
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5,769,692	5,769,692
1. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	184,651,552,529	181,866,264,628
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		184,651,552,529	181,866,264,628
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150,000,000,000	150,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		150,000,000,000	150,000,000,000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		633,963,151	633,963,151
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17,263,775,870	14,788,244,631
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14,788,244,631	6,516,376,862
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2,475,531,238	8,271,867,769
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		16,753,813,508	16,444,056,846
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		0	0
			275,460,370,107	262,702,718,387
			0	0

Hà Nội ngày 10 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

Dương Thị Huyền

Dương Thị Huyền

Kế toán trưởng

Dương Thị Huyền

Dương Thị Huyền



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I Năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I Năm 2017 đ	Năm 2016 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	22,049,867,341	44,064,364,263
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		22,049,867,341	44,064,364,263
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16,988,473,256	30,737,011,447
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,061,394,085	13,327,352,816
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	216,299	2,900,404,059
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,005,782,386	2,799,012,779
7. - Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,005,782,386	2,799,012,779
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		0	-66,176,192
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	693,087,601	2,188,083,835
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,362,740,397	11,174,484,069
11. Thu nhập khác	31	VI.6	0	127,766,984
12. Chi phí khác	32	VI.7	599,901	604,055,672
13. Lợi nhuận khác	40		-599,901	-476,288,688
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,362,140,496	10,698,195,381
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	576,852,595	1,866,379,824
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	0	-140,514,853
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,785,287,901	8,972,330,410
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		2,475,531,238	8,271,867,769
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		309,756,662	700,462,641
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	165.04	551.46
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	165.04	551.46

Hà Nội ngày 10 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

Dương Thị Huyền

Kế toán trưởng

Dương Thị Huyền



Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN

CREATE CAPITAL

VIỆT NAM

Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I / 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: Đồng	Quý I/2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01				
2. Điều chỉnh cho các khoản:				7 792 366 057	10,698,195,381
- Khấu hao tài sản cố định	02				
- Các khoản dự phòng	03			925,297,703	2,048,687,587
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04				(769,581,585)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05				
- Chi phí lãi vay	06			- 216 299	(2,924,829,256)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08			1 005 782 386	2,799,012,779
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09			9,723,229,847	11,851,484,906
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			9,300,935,731	-3,886,759,996
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11			-4,213,890,618	-4,548,208,576
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			8,531,683,669	76,032,334
- Tăng (+), giảm (-) chứng khoán kinh doanh	13			-32,566,364	127,817,091
- Tiền lãi vay đã trả	14				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(1,005,782,386)	(2,752,414,776)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15				(1,247,771,757)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			22,303,609,879	(17,084,605)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(2,507,217,380)	(37,778,655,858)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22				50,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23			(5,855,441,500)	(6,910,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			4,072,451,069	11,632,385,589
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25				(7,949,230,256)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26				6,005,000,000
5. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27			682,990	2,789,404,059
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			-4,289,524,821	-32,161,096,466
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31				3,608,170,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32				
2. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1		7,582,767,039	86,477,150,425
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2		-25 305 839 999	-60,666,190,557
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			-17,723,072,960	29,419,129,868
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50			291,012,098	-3,138,871,977
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			1,858,587,600	4,997,459,577
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70			2,149,599,698	1,858,587,600

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Dương Thị Huyền
Dương Thị Huyền

Dương Thị Huyền
Dương Thị Huyền



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Create Capital Việt Nam theo Nghị quyết số 39/2014/NQ-HĐTV ngày 03/9/2014 của Hội đồng thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 ngày 29/12/2010, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 07/3/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/03/2017 là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017 là sản xuất kinh doanh gạch, than, ... và xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

4. Cấu trúc doanh nghiệp**4.1 Tổng số các Công ty con**

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 02 (hai) công ty con.

Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có

4.2 Danh sách các Công ty con

Tại ngày 31/03/2017, Công ty có hai (02) Công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành Nghề	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	494 Phan Đình Phùng, Thành phố Kontum, tỉnh Kontum	Sản Xuất Kinh Doanh gạch	80%	80%	80%
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Khu đôi Gộc, Thôn Nội, Xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản Xuất Kinh Doanh gạch	63,9%	63,9%	63,9%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***4.3 Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tại ngày 31/03/2017, Công ty có ba (03) Công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành Nghề	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Khu 8, Vũ Yên, Thanh Ba, Phú Thọ	Sản Xuất Kinh Doanh gạch	22,38%	22,38%	22,38%
Công ty cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1	Xóm Suối cò, xã Hợp Hòa, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản Xuất Kinh Doanh gạch	47,78%	47,78%	47,78%
Công ty cổ phần Simex Việt Nam	Số 494 Điện Biên Phủ, Phường 3, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến và XNK Nông sản	67,98%	67,98%	46,67

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II- NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (đồng).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền hợp nhất của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay có kế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận dưới các hình thức Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có), như: Chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của đơn vị phản ánh khoản đầu tư vào công ty liên kết, khi lập Báo cáo tài chính đang thực hiện loại trừ toàn bộ ảnh hưởng của sự thay đổi trong giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm lập báo cáo gồm các chỉ tiêu cơ bản sau: Giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết; Khoản điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết; Phần điều chỉnh tăng (giảm) khoản đầu tư theo giá trị thay đổi của vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh vào Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty liên kết; Khoản điều chỉnh do báo cáo tài chính của nhà đầu tư và công ty liên kết được lập khác ngày; Khoản điều chỉnh do nhà đầu tư và công ty liên kết không áp dụng thống nhất chính sách kế toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

BCC quy định hình thức hoạt động do một bên kiểm soát và có phương án chia lợi nhuận căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của dự án.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư nếu công ty này là công ty mẹ, và là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”. Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: Theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

5.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

5.3. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: Được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: Lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)
Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng (tiếp theo)

doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp nghiệm thu trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay và các khoản chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06/11/2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)**20. Công cụ tài chính (tiếp theo)****Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

Đơn vị tính: đồng

Tiền mặt	3/31/2017	12/31/2016
Tiền gửi ngân hàng	2,101,521,404	1,737,534,439
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ	48,078,293	121,053,160
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân - PGD khách hàng doanh nghiệp	3,269,497	44,435,385
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Sở Giao dịch I	1,165,811	3,145,277
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thanh Xuân	1,646,418	1,888,668
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	902,308	1,097,608
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	6,441,398	3,443
create	1,102,259	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	0	0
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Đào Tấn	0	0
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Trung Hòa, Nhân Chính	0	0
Ngân hàng TMCP Tiên phong - CN Phạm Hùng	1,855,948	129,030
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum	3,691,098	12,330,543
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum	4,135,867	1,047,837
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - CN Kon Tum	1,306,832	1,437,761
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Vĩnh Phúc	626,104	801,104
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	5,829,959	2,579,694
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công Ngoại tệ	2,427,697	52,156,810
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	11,409,097	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ	2,268,000	
Cộng	2,149,599,697	1,858,587,599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Phải thu khách hàng

	3/31/2017		12/31/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Khách hàng trong nước	13,099,243,731	0	11,864,623,003	46,488,415
Công ty TNHH TM & XD hạ tầng Nam Hải	1,195,988,640	0	1,195,988,640	0
Công ty Cổ phần Kiến trúc Việt CIC Kontum	986,142,570	0	986,142,570	0
Công ty TNHH TM và DVTH Thanh Tùng	758,884,655	0	758,884,655	0
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	90,937,820	0	634,370,000	0
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Việt Châu	502,250,000	0	502,250,000	0
Công ty Cổ phần Xây dựng 5 châu	498,485,748	0	498,485,748	0
Công ty CP Xây dựng và Phát triển thương mại Nam Sơn	455,518,480	0	455,518,480	0
Công ty TNHH Hà Nội Phương	1,309,100,000		257,500,000	
Công ty Cổ phần Vật liệu nhẹ Thăng Long	92,976,830	0	92,976,830	46,488,415
Công ty CP Chế tạo máy Tuấn Việt	5,174,440,390	0	5,326,288,790	0
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	0	0	109,725,000	0
Phải thu khách hàng trong nước khác	2,034,518,598	0	1,046,492,290	0
Khách hàng nước ngoài	7,244,265,000			
SCALZO FOOD INDUSTRIES	3,661,140,000			
CETECOM S.A	3,583,125,000			
Cộng	<u>20,343,508,731</u>	<u>0</u>	<u>11,864,623,003</u>	<u>46,488,415</u>
c. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	90,937,820	0	634,370,000	0
Cộng	<u>90,937,820</u>	<u>0</u>	<u>634,370,000</u>	<u>0</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. Trả trước cho người bán

	3/31/2017		12/31/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	6,421,463,140	-	13,548,313,251	-
Nguyễn Bá Diếp	0	0	2,560,000,000	0
Phạm Thị Thúy	2,000,000,000	0	2,000,000,000	0
Trần Thị Quỳnh Trang	0	0	3,480,000,000	0
Phạm Văn Lộc	1,800,000,000	0	1,800,000,000	0
Ngô Thị Nhâm	1,708,000,000	0	1,708,000,000	0
	0	0	0	0
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Dũng Thoan	0	0	432,065,191	0
Công ty Cổ phần Cầu Đuống	0	0	0	0
Công ty Cổ phần Eco Greenlife Việt Nam	0	0	0	0
DNTN Hoài Phương	0	0	0	0
Công ty CP Tư vấn xây dựng giao thông Kontum	222,000,000	0	222,000,000	0
Công ty TNHH Phúc Anh (*)	400,000,000	0	400,000,000	0
Công ty TNHH Comniversal (*)	20,000,000	0	20,000,000	0
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Khai Quang			0	0
Công ty Cổ phần Xây dựng 5 châu	0	0	0	0
Trả trước khác	271,463,140	0	926,248,060	0
Cộng	6,421,463,140	0	13,548,313,251	0

(*) Công nợ trả trước cho người bán sẽ được hoàn trả trong năm 2017.

4. Phải thu về cho vay

	3/31/2017		12/31/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Cho vay ngắn hạn	1,800,000,000	-	4,430,000,000	-
Ông Phạm Đức Bình	1,800,000,000	0	4,430,000,000	0
Cộng	1,800,000,000	0	4,430,000,000	0

(*) Chi tiết cho vay ngắn hạn:

STT	Hợp đồng	Ngày Hợp đồng	Ngày đáo hạn	Đối tượng	Số tiền	Lãi suất
1	02/2016/HĐV	20/5/2016	30/04/2017	Ông Phạm Đức Bình	4.430.000.000	10%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. Phải thu khác

	3/31/2017		12/31/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu khác ngắn hạn	21,085,126,415	0	20,968,844,250	0
Nhà máy Gạch Tuynel Alpha (1)	5,496,033,021	0	5,596,165,277	0
Ông Nguyễn Anh Sơn (2)	196,137,200	0	196,137,200	0
Trung tâm giao dịch, Đầu tư, tư vấn mua bán nợ và tài sản - Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) (2)	2,000,000,000	0	1,200,000,000	0
Công ty CP Chứng khoán châu Á Thái Bình Dương		0	0	0
Mai Văn Tài (3)	0	0	1,309,144,695	0
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1 (4)	12,621,208,000	0	8,071,208,000	0
Nhà máy Gạch Tuynel Hương Sơn (5)		0	1,763,306,374	0
Lê Quang Thạch (6)		0	1,934,670,926	0
Phải thu Công ty CP XNK Nam Hà Nội tiền lãi vay	111,000,000	0	111,000,000	0
Tạm ứng	660,748,194	0	775,747,506	0
Mai Anh Tám		0	114,999,312	0
Nguyễn Thị Tài Hà		0	0	0
Mai Văn Hợp	200,000,000		200,000,000	
Các đối tượng khác	460,748,194		460,748,194	
Phải thu khác		0	11,464,272	0
b. Phải thu khác dài hạn	76,105,000,000	0	76,105,000,000	0
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long (1)	27,805,000,000	0	27,805,000,000	0
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội (2)	26,050,000,000	0	26,050,000,000	0
Nhà máy Gạch Tuynel Alpha	0	0	0	0
Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam (3)	12,700,000,000	0	12,700,000,000	0
Tạm ứng dài hạn - ông Mai Anh Tám (4)	9,550,000,000		9,550,000,000	
Cộng	97,190,126,415	0	0	0
c. Phải thu khác là bên liên quan				
Ngắn hạn	12,621,208,000	0	8,186,207,312	0
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1	12,621,208,000	0	8,071,208,000	0
Tạm ứng		0	0	0
Dài hạn	76,105,000,000	0	76,105,000,000	0
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long	27,805,000,000		27,805,000,000	
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội	26,050,000,000		26,050,000,000	
Công ty CP Goldstar Việt Nam	12,700,000,000		12,700,000,000	
Tạm ứng dài hạn - ông Mai Anh Tám (*)	9,550,000,000		9,550,000,000	
Cộng	88,726,208,000	0	84,291,207,312	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***6. Phải thu khác (tiếp theo)***** Phải thu khác ngắn hạn:**

(1) Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam ký hợp đồng thỏa thuận giao nhận khoản số 05/9/2013/HDGNK ngày 05/9/2013; Create sẽ quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Alpha (trong đó có Nhà máy Gạch Tuynel Alpha tại thôn Tiên Tân, xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, Tp. Hà Nội) với tư cách là Giám đốc điều hành. Đến ngày 22/02/2016, Công ty ký biên bản thanh lý hợp đồng thống nhất số tiền Nhà máy phải trả cho Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam khi bán giao lại là 11.038.424.121 đồng trước ngày 31/12/2016. Tuy nhiên thời điểm 31/03/2017 Nhà máy vẫn còn nợ số tiền 5.496.033.021 đồng.

(2) Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam đã đặt cọc cho Ông Nguyễn Anh Sơn và Trung tâm Giao dịch, đầu tư, tư vấn mua bán nợ và tài sản - Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) để thực hiện mua phần vốn góp và mua nợ từ Ngân hàng của Công ty TNHH Trường Sơn theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 02/2016/HDCNPVG-TS ngày 28/02/2016 và biên bản thỏa thuận nguyên tắc ngày 09/11/2016.

(3) Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam còn phải thu Ông Mai Văn Tài về tiền bán cổ phần sở hữu tại Công ty CP Gạch Tuynel Phong Thu theo hợp đồng số 01/2016/HDCNC-PT ngày 08/01/2016.

(4) Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam đã thông qua phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1 (đầu tư dây chuyền công nghệ lò trần phẳng công suất 50 triệu viên/năm) với thời gian huy động trong vòng 6 tháng kể từ ngày ký biên bản hợp ngày 30/5/2016 và chia thành từng đợt căn cứ tiến độ đầu tư. Thời gian hoàn trả vốn huy động là 12 tháng kể từ ngày kết thúc huy động vốn. Sau thời gian 12 tháng, toàn bộ số vốn không hoàn lại cho cổ đông thì sẽ được ghi nhận là vốn góp và tăng vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật. Cổ tức trong thời gian sử dụng vốn huy động sẽ được chia theo tỷ lệ căn cứ vào tổng vốn góp đến thời điểm hiện tại cộng tổng số vốn cấp đầu tư.

(5) Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam đã góp vốn hợp tác kinh doanh tại Nhà máy Gạch Tuynel Hương Sơn của Công ty CP Hương Sơn theo hợp đồng số 01/2016/HDHTKD ngày 09/3/2016. Tuy nhiên do chưa thống nhất được một số điều khoản khác nên hợp đồng đã được chấm dứt theo biên bản thanh lý ngày 25/7/2016.

(6) Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam chuyển tiền cho Ông Lê Quang Thạch trong năm 2015 để thực hiện dự án xây dựng nhà máy gạch trên đất nông nghiệp đã mua tại huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên khu vực này đang nằm trong quy hoạch xây dựng cảng cạn miền Bắc nên đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa xin được giấy cấp phép đầu tư. Công ty đang thực hiện thu hồi dần khoản công nợ này.

**** Phải thu khác dài hạn**

(7) Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HD/CCV-NTL ngày 02/4/2011 và Phụ lục 01 ngày 15/01/2014 với Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long. Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long và Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn là đồng chủ đầu tư vào dự án Nhà ở chung cư cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và nhà trẻ tại thôn Ngọc Nại, xã Đại Mỗ, quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Dự án này đã được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121001690 ngày 20/3/2014 cho 02 đồng chủ đầu tư nêu trên. Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam sẽ được hưởng cổ tức theo tỷ lệ 20% trên lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long liên quan đến dự án kinh doanh kể từ ngày phát sinh doanh thu bán căn hộ.

6. Phải thu khác (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

(8) Công ty ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội về việc cùng khai thác mỏ đá tại Liễu Đô 3, xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; các khoản giải ngân thực hiện bằng tiền mặt bắt đầu từ ngày 11/02/2011. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của dự án được phân chia theo tỷ lệ: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội hưởng 50%, Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam hưởng 50%.

(9) Công ty đã góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam theo hợp đồng hợp tác số 04/HDHTDT/CREATE-GSS ngày 06/01/2014 để triển khai dự án phát triển phần mềm kế toán Weekend và phần mềm quản trị doanh nghiệp 1C. Lợi ích mỗi bên được phân chia theo tỷ lệ 50:50 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của dự án.

(10) Tạm ứng dài hạn là khoản tạm ứng cho ông Mai Anh Tám để thực hiện việc cấp quyền sử dụng đất của nhà máy tại khu Đồi Gộc, thôn Nội, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc và kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng đối với diện tích mở rộng mặt bằng nhà máy; tạm ứng kinh phí cho công tác chuẩn bị nâng cấp nhà máy với thời hạn hoàn ứng dự kiến đến 31/12/2018 khi công tác đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

6. Nợ xấu

7. Hàng tồn kho

	3/31/2017		12/31/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14,638,929,078	0	12,384,476,380	0
Công cụ, dụng cụ	915,096,082	0	427,192,866	0
Chi phí SX, KD dở dang	9,359,266,378	0	6,594,492,604	0
Thành phẩm	2,676,003,439	0	1,406,657,819	0
Hàng hóa	10,910,252,114	0	11,831,524,613	0
Cộng	38,499,547,091	0	32,644,344,282	0

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

KHOẢN MỤC	31/03/2017			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	29,326,768,486	22,117,276,765	1,249,382,728	52,693,427,979
Mua trong kỳ	0		4,093,345,450	4,093,345,450
Tăng do đầu tư XD CB hoàn thành	4,208,937,600	0	0	4,208,937,600
Tăng khác (*)	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	-	0	0	0
Giảm khác (*)	-	-	0	0
Tại ngày 31/03/2017	33,535,706,086	22,117,276,765	5,342,728,178	60,995,711,029
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	9,065,635,397	5,416,983,241	142,308,244	14,624,926,882
Khấu hao trong năm	901,125,335	562,564,523	52,057,614	1,515,747,472
Tăng khác (*)	-	-	-	0
Thanh lý, nhượng bán	-	0	0	0
Giảm khác (*)	-	-	0	0
Tại ngày 31/03/2017	9,966,760,732	5,979,547,764	194,365,858	16,140,674,354
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	20,261,133,089	16,700,293,524	1,107,074,484	38,068,501,097
Tại ngày 31/03/2017	23,568,945,354	16,137,729,001	5,148,362,320	44,855,036,675

9. Tài sản dở dang dài hạn

	3/31/2017	12/31/2016
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	0	0
b. Xây dựng cơ bản dở dang		
Mua chung cư văn phòng tại Hà Nội (1)	14,799,632,325	16,754,553,687
Dự án đất nông nghiệp tại Bắc Ninh (2)	1,208,758,478	1,208,758,478
Sửa chữa, nâng cấp nhà máy sản xuất tại Vĩnh Phúc	4,317,192,000	4,317,192,000
Mua sắm máy móc thiết bị Nhà máy tại xã Kroong, Kon Tum	1,438,837,727	2,552,620,937
Xây dựng cơ bản Nhà máy tại xã Kroong, Kon Tum	40,202,720	881,340,872
Cộng	7,794,641,400	7,794,641,400
	14,799,632,325	16,754,553,687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. Tài sản dở dang dài hạn (tiếp theo)

- (1) Đây là căn hộ chung cư đã mua tại số 110, đường Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội của Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long để làm văn phòng. Chung cư này đang được hoàn thiện các hạng mục phụ trợ để đưa vào sử dụng.
- (2) Công ty đầu tư mua đất nông nghiệp tại huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 với mục đích xây dựng nhà máy gạch. Tuy nhiên khu vực này đang nằm trong quy hoạch xây dựng cảng cạn miền Bắc nên đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa xin được giấy cấp phép đầu tư.

10. Các khoản đầu tư tài chính

	3/31/2017		12/31/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		0	44,140,864,271	0
Dầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	39,995,586,845	0	37,515,864,271	0
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO (1)	19,969,020,343	0	19,969,020,343	0
Công ty CP Gốm xây dựng Hoàng Phát 1 (3)	13,303,566,502	0	13,303,566,502	0
Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch (4)		0	0	0
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam (5)	6,723,000,000	0	4,243,277,426	0
Dầu tư vào đơn vị khác	6,625,000,000	0	6,625,000,000	0
Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch (4)	6,625,000,000	0	6,625,000,000	0
Cộng	46,620,586,845	0	44,140,864,271	0

(1) Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO theo Nghị quyết số 11/NQ/ĐHĐCĐ/2015 của Đại hội đồng cổ đông ngày 28/12/2015, số tiền góp vốn là 20.000.000.000 đồng, đạt 22,38% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO.

(3) Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1 theo Nghị quyết số 2112/NQ/HĐQT/2015 của Hội đồng quản trị ngày 21/12/2015, số tiền góp vốn là 13.305.000.000 đồng, đạt 47,78% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1.

(4) Trong năm 2016, Công ty chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch với giá trị 975.000.000 đồng (tương ứng 5% vốn điều lệ tại Yên Thạch) theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/2016/HDCNVP ngày 01/4/2016 cho Ông Nguyễn Ngọc Khánh. Cũng trong năm, Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt phương án góp vốn đầu tư thêm vào Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch theo Nghị quyết số 1211/NQ/HĐQT ngày 12/11/2016, số tiền góp thêm là 3.700.000.000 đồng. Tổng vốn góp sau đầu tư thêm tại 31/03/2017 là 6.625.000.000 đồng, đạt 18,87% vốn điều lệ của Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

(5) Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam theo Nghị quyết số 2911/NQ/HĐQT/2016 của Hội đồng quản trị ngày 29/11/2016, số tiền góp vốn theo Nghị quyết là 7.000.000.000 đồng, đạt 46,67% vốn điều lệ của Simex Việt Nam. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2016, Công ty mới góp được 4.250.000.000 đồng đạt 66,93% vốn điều lệ của Simex Việt Nam. Tỷ lệ quyền biểu quyết tại Simex Việt Nam của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam là 46,67% theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Simex Việt Nam ngày 31/12/2016. Hiện nay, tại ngày 31/03/2017, vốn góp của Công ty vào Công ty Simex Việt Nam là 6.723.000.000 đồng.

11. Chi phí trả trước

	12/31/2016	12/31/2016
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	11,314,870	11,314,870
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	11,314,870	11,314,870
Phí và bảo hiểm	0	0
b. Chi phí trả trước dài hạn	278,493,066	155,364,021
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	257,501,795	134,372,750
Phí và bảo hiểm	20,991,271	20,991,271
Cộng	289,807,936	166,678,891

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***13. Phải trả người bán**

	3/31/2017		12/31/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Chế tạo máy Tuấn Việt		10,675,348,896	10,850,017,190	10,850,017,190
Công ty Cổ phần Đầu tư XD TM và DV Nam Sông Hồng	751,278,131	751,278,131	2,171,353,391	2,171,353,391
Công ty Cổ phần Cầu Đuống	1,751,830,725	1,751,830,725	1,751,830,725	1,751,830,725
Công ty TNHH Vật liệu làm nhà PLD	1,389,300,000	1,389,300,000	1,589,300,000	1,589,300,000
Công ty TNHH Hưng Thành Phú Thọ	-	-	1,104,354,729	1,104,354,729
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	-	-	974,568,390	974,568,390
Công ty TNHH Hồng Nhung	124,021,000	124,021,000	590,771,000	590,771,000
Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Thiên Hà Thủy	80,744,500	80,744,500	250,744,500	250,744,500
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	91,072,380	91,072,380	91,072,380	91,072,380
Công ty TNHH MTV Thương mại XNK Huy Việt	8,290,572	8,290,572	62,425,928	62,425,928
Công ty TNHH Trờng Sáng	1340717690	1340717690	0	0
Công ty TNHH Sản xuất đồ gia dụng Tuấn Việt	442826425	442826425	0	0
Công ty CP Xây dựng 5 Châu	258,760,000	258,760,000	258,760,000	258,760,000
Công ty TNHH Gạch cổ Bát Tràng	504,027,550	504,027,550	504,027,550	504,027,550
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Dũng Thoan	295,000,000	295,000,000	295,000,000	295,000,000
Phải trả cho các đối tượng khác	0	0	0	0
Cộng	3,637,479,923	3,637,479,923	1,205,808,597	1,205,808,597
	10,675,348,896	10,675,348,896	10,850,017,190	10,850,017,190
c. Phải trả người bán là bên liên quan	10,675,348,896			
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	124,021,000	124,021,000	590,771,000	
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	8,290,572	8,290,572	62,425,928	
Cộng	132,311,572	132,311,572	653,196,928	

VIỆT NAM
Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Tel: 043.6292.5566 Fax: 043.6292.5566

Mẫu số B09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

Thuế giá trị gia tăng
Thuế nhà đất và tiền thuê đất
Thuế tài nguyên
Thuế thu nhập cá nhân
Thuế thu nhập doanh nghiệp
Phí và lệ phí
Các loại thuế khác
Cộng

b. Phải thu

Thuế tài nguyên nộp thừa
Cộng

01/01/2017	31/03/2017
107,612,176	107,612,176
448,303,013	160,000,000
49,180	49,180
7,683,124	7,683,124
2,557,954,807	744,171,042
0	0
0	0
3,121,602,300	1,019,515,522
12,627,820	12,627,820
12,627,820	12,627,820

14. Chi phí phải trả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Doanh thu chưa thực hiện

16. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp

Kinh phí công đoàn

Đặng Việt Phương (*)

Tài sản thừa chờ giải quyết

Cộng

	12/31/2016	12/31/2016
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	412,118,376	1,184,758,098
Kinh phí công đoàn	6,415,644	620,419,214
Đặng Việt Phương (*)	0	175,338,884
Tài sản thừa chờ giải quyết	389,000,000	389,000,000
Cộng	0	0
	395,415,644	1,184,758,098

(*) Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam còn phải trả Ông Đặng Việt Phương về tiền mua 296.000 cổ phần của Công ty CP Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum, giá trị thỏa thuận giữa hai bên là 2.960.000.000 đồng theo hợp đồng số 01/2016/HĐCN/PHUONG-CCV ngày 03/01/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Tel: 043.6292.5566 Fax: 043.6292.5566

Mẫu số B09 - DN/AN
Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn (*)				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (1)	42,065,561,702	42,065,561,702	35,675,255,252	35,675,255,252
Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD 1 (2)	22,562,732,639	22,562,732,639	9,981,250,046	9,981,250,046
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- CN Tây Hồ (3)	1,501,121,940	1,501,121,940	1,682,201,940	1,682,201,940
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (4)	14,067,167,995	14,067,167,995	14,053,791,917	14,053,791,917
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Phạm Hùng (5)	0	0	2,303,000,000	2,303,000,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum (6)	866,726,216	866,726,216	204,200,004	204,200,004
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (7)	3,067,812,912	3,067,812,912	2,226,092,895	2,226,092,895
b. Vay dài hạn (**)				
Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD 1 (8)	34,459,714,017	30,818,314,017	5,224,718,450	5,224,718,450
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Phạm Hùng (1)	3,641,400,000	3,641,400,000	29,311,308,014	29,311,308,014
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum (2)	837,399,998	837,399,998	1,682,201,940	1,682,201,940
Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Phúc Yên (3)	23,211,634,019	23,211,634,019	684,249,995	684,249,995
	6,769,280,000	6,769,280,000	23,211,634,019	23,211,634,019
Cộng	76,525,275,719	72,883,875,719	5,415,424,000	5,415,424,000
			64,986,563,266	64,986,563,266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết Vay ngắn hạn:

Số tài khoản/hợp đồng	Ngày hợp đồng	Hạn mức/ Gốc vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư gốc vay tại 31/03/2017
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (1)					
01/2016/HĐCTD/VCBTX-CR	12/19/2016	10,000,000,000	Linh hoạt	12 tháng	22,562,732,639
Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD 1 (2)					
11638.16.002.2265211.TD	3/25/2016	3,000,000,000	Linh hoạt	12 tháng	1,501,121,940
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ (3)					
Hợp đồng số 1506-LAV20150047 và phụ lục 01/PLHD	6/2/2015	20,000,000,000	8.00%	12 tháng/ Gia hạn theo phụ lục	14,067,167,995
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum (6)					
625/2013/1963/HĐ	31/7/2013	4,000,000,000	Linh hoạt	6 tháng	866,726,216
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (7)					
01/2016-HĐTDHM/NHC260-GACHVINHPHUC	7/17/2016	4,000,000,000	8.0%	6 tháng	3,067,812,912
01/2016-HĐTDDA/NHC260-CTGNVP	10/20/2016	7,000,000,000	8.7%	60 tháng	1,353,856,000

Vay ngắn hạn ngân hàng:

() Chi tiết Vay dài hạn:**

Số Tài khoản/hợp đồng	Ngày hợp đồng	Hạn mức/ Gốc vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư gốc vay tại 31/03/2017
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Phạm Hùng (1)					
625-11-15/HĐTD/PHG	11/26/2015	489,000,000	Linh hoạt	60 tháng	837,399,998
41/2016/HĐTD/PHG/01	9/21/2016	532,000,000	Linh hoạt	60 tháng	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum (2)					
01/2015/666331/HĐTD	12/1/2015	24,000,000,000	Linh hoạt	120 tháng	23,211,634,019
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (3)					
01/2016-HĐTDDA/NHC260-CTGNVP	10/20/2016	7,000,000,000	8.70%	60 tháng	6,769,280,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (4)					
01/2014/TH/NHNT.TX-CRC	6/6/2014	5,000,000,000	TH	60 tháng	0
Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD 1 (2)					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Hợp đồng tín dụng trung hạn

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (7)

01/2016-HDTDĐA/NHC260-CTGNVP

3/25/2016	3 641 400 000	ô tô	60 tháng	3 641 400 000
10/20/2016	7,000,000,000	8.7%	60 tháng	6,769,280,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	150,000,000,000	0	0	6,518,587,987
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0
Lãi trong năm trước	0	0	0	8,269,656,644
Tăng khác	0	633,963,151	16,444,056,846	
Giảm vốn trong năm trước				
Lỗ trong năm trước				
Giảm khác	0	0	0	
Số dư cuối năm trước; Số dư đầu năm nay	150,000,000,000	633,963,151	16,444,056,846	14,788,244,631
Tăng vốn trong năm nay		0		0
Lãi trong năm nay	0	0	0	2,475,531,238
Tăng khác	0	0	309,756,662	0
Giảm vốn trong năm nay				
Lỗ trong năm nay				
Giảm khác	0	0	0	
Số dư cuối năm nay	150,000,000,000	633,963,151	16,753,813,508	17,263,775,869

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	3/31/2017	Tỷ lệ vốn góp	1/1/2017
Ông Mai Anh Tám	10.00%	15,000,000,000	10.00%	15,000,000,000
Bà Trần Thị Thu Hiền	0.00%	0	0.00%	0
Ông Nguyễn Tuấn Linh	0.07%	100,000,000	0.07%	100,000,000
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đồng Á	0.00%	0	0.00%	0
Các cổ đông khác	89.93%	134,900,000,000	89.93%	134,900,000,000
Cộng	100.00%	150,000,000,000	100.00%	150,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý 1/ 2017	Năm 2016
Vốn góp đầu năm	150,000,000,000	150,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	0	0
Vốn góp giảm trong năm	0	0
Vốn góp cuối năm	150,000,000,000	150,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	3/31/2017	12/31/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15,000,000	15,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15,000,000	15,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	15,000,000	15,000,000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15,000,000	15,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	15,000,000	15,000,000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại 31/03/2017: 10.000 đ/ Cổ phiếu.

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	3/31/2017	12/31/2016
Quỹ đầu tư phát triển	633,963,151	633,963,151
Cộng	633,963,151	633,963,151

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: đồng

	Quý 1/2017	Năm 2016
a. Doanh thu	22,049,867,341	44,064,364,263
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	22,049,867,341	32,545,829,199
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	0	11,518,535,064
Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0
Cộng	22,049,867,341	44,064,364,263
b. Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	3,041,321,470	6,058,189,100
Cộng	3,041,321,470	6,058,189,100

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 1/2017	Năm 2016
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	16,988,473,256	21,885,866,273
Giá vốn xây dựng, lắp đặt	0	8,851,145,174
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	0	0
Cộng	16,988,473,256	30,737,011,447

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi
Lãi cho vay
Lãi từ các khoản đầu tư
Cộng

Quý 1/2017	Năm 2016
216,299	3,367,948
0	1,618,536,111
0	1,278,500,000
216,299	2,900,404,059

4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí lãi vay
Cộng

Quý 1/2017	Năm 2016
1,005,782,386	2,799,012,779
1,034,630,847	2,799,012,779

5. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý
Chi phí vật liệu quản lý
Chi phí đồ dùng văn phòng
Chi phí khấu hao TSCĐ
Thuế, phí, lệ phí
Chi phí dự phòng
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí bằng tiền khác
Cộng

Quý 1/2017	Năm 2016
399,220,658	1,451,186,585
119,455,900	22,795,456
	247,068,066
52,057,614	132,179,819
37,925,858	118,118,427
	46,488,415
80,892,764	871,370,451
3,534,807	118,481,423
693,087,601	3,007,688,642

c. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi
Cộng

	816,070,000
0	816,070,000

Chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ

693,087,601	2,188,083,835
--------------------	----------------------

6. Thu nhập khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Chi phí khác

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1/2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,540,122,239	8,976,074,029
Chi phí nhân công	561,798,570	3,710,367,803
Chi phí khấu hao TSCĐ	943,616,386	1,490,259,349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	702,884,140	2,777,798,101
Chi phí khác bằng tiền	64,069,788	330,406,884
Cộng	3,812,491,123	17,284,906,166

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	3/31/2017	12/31/2016
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	0	11,083,456,944
Thu nhập tính thuế ưu đãi 10%	965,463,463	3,407,398,256
Thu nhập tính thuế hiện hành 20%	2,642,897,110	8,480,049,552
Thu nhập tính thuế hiện hành 22%		(803,990,864)
Thu nhập điều chỉnh khi tính thuế		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	625,125,768	2,036,749,737
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	48,273,173	170,369,913
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	576,852,595	1,866,379,824

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 1/2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,475,531,238	8,271,867,769
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2,475,531,238	8,271,867,769
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15,000,000	15,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	165.04	551.46
	-	551.46
	165.04	-

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	3/31/2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2,475,531,238	8,271,867,769
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	2,475,531,238	8,271,867,769
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15,000,000	15,000,000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	15,000,000	15,000,000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	165.04	551.46

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

13.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 và ngày 31/03/2017.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động lớn hơn so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

13.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khác bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.

13.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, bất động sản hình thành trong tương lai và tài sản xây dựng cơ bản dở dang làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng vào ngày 31/12/2016 và ngày 31/03/2017

Công ty có nắm giữ tài sản đảm bảo của bên thứ ba tại ngày 03/12/2017. Chi tiết:

(1) Tài sản thế chấp là quyền sở hữu tài sản tại địa chỉ biệt thự BT4.2 - Dự án chức năng đô thị Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội theo hợp đồng mua bán số 66/HĐMB - Tây Mỗ ngày 15/04/2010 giữa ông Mai Anh Tám và Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và đô thị Viglacera và biên bản bàn giao nhà ngày 31/12/2010.

(2) Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng căn hộ số 11 ngõ 48 Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BD 540969, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00095 do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 01/06/2011.

(3) Tài sản đảm bảo là nhà máy sản xuất gạch trên diện tích 86.415 m² tại thửa đất số 215, tờ bản đồ số 1, thôn Đồng Lái, xã Phong Thu, huyện Phong Dân, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số BS115440, sổ vào sổ cấp GCN: CT05205 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 22/01/2015 cho Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Phong Thu.

13.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

(4) Tài sản thế chấp là các quyền tài sản phát sinh trong Hợp đồng mua bán căn hộ số 351/2015-HĐMB-Golden Millennium ký ngày 10/03/2015 giữa bà Trương Thị Hoài Thu và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình.

(6) Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AC 817641 của ông Tạ Văn Sáng tại số 3, thôn Thu Quế, xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

(7) Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của ông Mai Anh Tám và bà Trần Thị Thu Hiền tại số 104/140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 31/03/2017. Tuy nhiên,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)
Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Đơn vị tính: đồng

Tiền thu từ đi vay khế ước thông thường	31/03/2017	Năm 2016
	27.712.774,867	86.477.150,425

2. Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường

Tiền trả nợ gốc vay khế ước thông thường	31/03/2017	Năm 2016
	17.089.056,025	860.666.190,557

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

Đến ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty Đại chúng theo Công văn số 1361/UBCK-GSDC ngày 16/3/2017.

Ngoài sự kiện nêu trên thì không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 mà chưa được trình bày trong Báo cáo này.

2. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

- Tại ngày 31/03/2017 Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tâm
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tâm
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tâm
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tâm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	Chi nhánh của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Tel: 043.6292.5566 Fax: 043.6292.5566

Mẫu số B09 - DN/IN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Thông tin về các bên liên quan

- Các giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	TK	Số dư đầu kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	Vốn góp	222	20,000,000,000	0	0	20,000,000,000
	Phải trả về mua hàng hóa	131	634,370,000	3,041,321,470	3,584,753,650	90,937,820
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát I	Vốn góp	222	13,305,000,000	0	0	13,305,000,000
	Phải thu khác	138	8,071,208,000	4,550,000,000	0	12,621,208,000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam	Vốn góp	222	4,250,000,000	2,473,000,000	0	6,723,000,000
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long	Vốn góp hợp tác kinh doanh	138	27,805,000,000	0	0	27,805,000,000
Công ty CP Goldstar Việt Nam	Vốn góp hợp tác kinh doanh	138	12,700,000,000	0	0	12,700,000,000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội	Vốn góp hợp tác kinh doanh	138	26,050,000,000	0	0	26,050,000,000
Công ty Cổ phần Hàng sơn Đồng Á	Phải trả về mua hàng hóa	331	62,425,928	0	70,716,500	(8,290,572)

b. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	TK	Số dư tại 01/01/2017	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại 31/03/2017
Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	Tạm ứng	141	9,664,999,312		114,999,312	9,550,000,000
		Phải thu về đi vay	341	-	0	775,994,443	-775,994,443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

Lương và thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm Quý 1/2017 là: 22.000.000 đồng.

3. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán thành phẩm, hàng hoá và hoạt động xây lắp. Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Công ty có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội và hai Công ty con tại tỉnh Kon Tum và tỉnh Vĩnh Phúc nên Công ty trình bày báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

4. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Người lập biểu

Dương Thị Huyền

Kế toán trưởng

Dương Thị Huyền

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2017

Tổng Giám đốc



Mai Anh Tám